

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LAI VUNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 29-6-2018

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Đặng Văn Hai;

Ông: Nguyễn Phát Triển.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cao Diễm là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 29 tháng 6 năm 2018 tại phòng xử án của trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2018/TLST-HNGĐ, ngày 28/02/2018 “V/v Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 5 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 08/6/2018; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị P - *Sinh năm:* 1974.

Địa chỉ: 33/1 ấp TL A, xã TD, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

- Bị đơn: Bùi Ngọc R - *Sinh năm:* 1971.

Địa chỉ: 33/1 ấp TL A, xã TD, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09/02/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị P trình bày:

Vào năm 1990 Nguyễn Thị P và Bùi Ngọc R sống chung nhau như vợ chồng, vợ chồng không đăng ký kết hôn; thời gian sống chung chị P và anh R thường xuyên phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân từ việc vợ chồng không cùng quan điểm sống, từ đó dẫn đến mâu thuẫn ngày càng nhiều, tình cảm vợ chồng không còn, chị Nguyễn Thị P yêu cầu được ly hôn với Bùi Ngọc R. Về con chung, vợ chồng có 02 con là Bùi Thị Thanh L sinh ngày 13/6/1991 và Bùi Văn T sinh ngày 29/8/1993, tất cả đã trưởng thành chị P không yêu cầu giải quyết. Về tài sản và nợ chung, Nguyễn Thị P không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa Bùi Ngọc R trình bày: Vợ chồng sống chung nhau như vợ chồng từ năm 1990 cho đến nay, vợ chồng không đăng ký kết hôn, vợ chồng sống rất hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, Bùi Ngọc R đồng ý ly hôn. Về con chung, vợ chồng có 02 con chung là Bùi Thị Thanh L, sinh ngày 13 tháng 6 năm 1991 và Bùi Văn T, sinh ngày 29 tháng 8 năm 1993, các con đã thành niên anh R không yêu cầu giải quyết. Về tài sản và nợ chung, Bùi Ngọc R không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P và anh Bùi Ngọc R sống chung như vợ chồng vào năm 1990 đến nay không đăng ký kết hôn. Thời gian sống chung vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là từ việc vợ chồng không cùng quan điểm sống, từ đó dẫn đến mâu thuẫn ngày càng nhiều mà hai bên không tự giải quyết được, Chị Nguyễn Thị P và anh Bùi Ngọc R đồng ý ly hôn, nhưng vợ chồng không đăng ký kết hôn nên không công nhận là vợ chồng đã vi phạm vào khoản 1 Điều 9 Luật HN&GD cụ thể quy định như sau *“Việc kết hôn phải được đăng ký do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý...”*.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật HN&GD có quy định *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”*.

Đôi chiếu khoản 2 Điều 53 Luật HN&GD có ghi *“...Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này...”*.

Vì vậy về quan hệ hôn nhân của chị P và anh R không công nhận là vợ chồng.

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị P và anh Bùi Ngọc R có 02 con chung tên Bùi Thị Thanh L sinh ngày 13/6/1991 và Bùi Văn T sinh ngày 29/8/1993 tất cả đều đã trưởng thành, chị Nguyễn Thị P và anh Bùi Ngọc R không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản và nợ chung: Chị Nguyễn Thị P và anh Bùi Ngọc R không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn Nguyễn Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là có căn cứ, phù hợp với khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố

tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị P và anh Bùi Ngọc R là vợ chồng.

2. Về án phí và tạm ứng án phí sơ thẩm: Nguyễn Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000đ, nhưng được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp theo biên lai số 0001107 ngày 28/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (chị Nguyễn Thị P đã thực hiện xong).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/6/2018).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND huyện LV;
- CCTHADS huyện LV;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

Đã ký

Nguyễn Văn Út